

# Đề cương các vấn đề pháp luật về thuyền bộ

### **Câu 1. Khái niệm tàu biển trong luật hàng hải**

Theo định nghĩa trong mục a điều 3 công ước quốc tế về các quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển 1972- COLREG 72 thì tàu thuyền được định nghĩa như sau: tàu thuyền bao gồm các loại phương tiện vận tải trên mặt nước, kể cả các loại tàu thuyền không có lượng chiếm nước, tàu đệm khí có cánh – WIG- Carfl và thủy phi cơ được sử dụng hoặc có thể sử dụng giống như phương tiện giao thông trên mặt nước

Theo định nghĩa tại điều 13 bộ luật hàng hải Vn 2015, tàu biển được định nghĩa như sau tàu biển là phương tiện nổi di động chuyên dùng cho hoạt động trên biển. tàu biển quy định trong bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi.

### **Câu 2. Định nghĩa tàu thuyền theo bộ luật hàng hải việt nam năm 2015. So sánh với bộ luật hàng hải 2005 có điểm gì mới**

Theo định nghĩa tại điều 13 bộ luật hàng hải VN 2015 tàu biển được định nghĩa như sau: tàu biển là phương tiện nổi di động chuyên dùng hoạt động trên biển, tàu biển trong bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi

So với bộ luật hàng hải VN 2005 thì tàu biển trong bộ luật hàng hải VN 2015 hẹp hơn bao gồm cả phương tiện giao thông nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn khoan di động, ụ nổi

### **Câu 3. Phân loại tàu biển và quản lí nhà nước về các loại tàu biển đó**

Trong luật hàng hải quốc tế và trong luật hàng hải của các nước thường chia tàu biển làm 2 nhóm gồm:

+ tàu buôn là các tàu biển chuyên dùng để vận chuyển hàng hóa, hành khách và hành lí, thăm dò, khai thác- chế biến tài nguyên thiên nhiên, lai dắt cứu hộ trên biển, trục vớt tài sản chìm đắm và thực hiện cả mục đích kinh tế khác

+ tàu công vụ nhà nước: là tàu biển chuyên dùng để thực hiện các hoạt động đảm bảo hàng hải, khí tượng-thủy văn, thông tin-liên lạc, thanh tra, hải quan, phòng dịch, chữa cháy, hoa tiêu, huấn luyện, bảo vệ môi trường hoặc tìm kiếm cứu nạn trên biển. những tàu này thường thuộc quyền sở hữu của nhà nước, hoạt động với mục đích bảo vệ công ích và kinh phí do nhà nước cấp

theo quy định của IMO, công ước quốc tế về dung tích tàu biển, Tonnage 1969, tàu biển được phân loại theo dung tích của tàu. theo đó tàu biển được phân loại dựa

trên kích thước, trọng tải của chúng và có thể phân theo vùng hoạt động. hiện nay có 1 số loại phổ biến tham gia vào các hoạt động thương mại như: tàu capsized, panama, chinamax, handymax, malaccamax, ....

Phân loại theo mục đích hoạt động , thương mại hay phi thương mại : **tàu biển chuyên dùng phục vụ cho mục đích thương mại** ( là các loại tàu hoạt động vì mục đích thương mại như để vận chuyển hàng hóa , hành khách và hành lí, thăm dò khai thác tài nguyên biển , lai dắt cứu hộ trên biển , trục vớt tài sản chìm đắm nhằm đem lại lợi ích kinh tế là chủ yếu) và **tàu biển phi thương mại**( chuyên dùng để phục vụ cho mục đích công cộng như thực hiện các hoạt động đảm bảo an toàn hàng hải , khí tượng thủy văn, thông tin liên lạc , thanh tra hải quan, phòng dịch...)

Quản lí nhà nước về tàu biển

- + tàu quân sự, tàu ngầm .. thuộc sự quản lí của quân chủng hải quân, bộ quốc phòng
- + tàu cảnh sát biển thuộc quản lí của bộ tư lệnh cảnh sát biển VN, bộ quốc phòng
- + tàu cá, tàu kiểm ngư thuộc quản lí của Cục thủy sản , bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
- + tàu cứu hộ thuộc các trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn khu vực 1,2,3,4 bộ giao thông vận tải

#### **Câu 4. Quốc tịch tàu biển. quyền và nghĩa vụ của tàu biển theo luật quốc tịch tàu biển**

- Quốc tịch tàu biển

+ mỗi quốc gia có biển hay không có biển đều có quyền thành lập đội tàu mang quốc tịch của mình hoạt động trên biển cả.

+ theo đó mỗi quốc gia quy định các điều kiện cho phép tàu thuyền mang quốc tịch của mình , các điều kiện đăng kí tàu biển trên lãnh thổ quốc gia mình và các điều kiện cần phải có để cho tàu thuyền được treo cờ của nước mình . các tàu thuyền mang quốc tịch của quốc gia mà chúng được phép treo cờ. cần phải có 1 quan hệ thực chất giữa quốc gia và các con tàu

+ quốc gia nào cho phép tàu treo cờ nước mình thì phải cấp cho tàu thuyền đó các tài liệu có liên quan đến mục đích đó

- Quyền của tàu biển theo luật quốc tịch tàu biển
- Nghĩa vụ của tàu biển theo luật quốc tịch tàu biển

+ giúp đỡ bất kì ai đang gặp nguy khốn trên biển

- + hết sức nhanh chóng đến cứu những người đang bị nguy cấp nếu như được thông báo những người này cần được giúp đỡ, trong chừng mực mà người ta có thể chờ đợi 1 cách hợp lí là thuyền trưởng phải xử lí như thế
- + trong trường hợp xảy ra tai nạn đắm va , giúp đỡ chiếc tàu kia, đoàn thủy thủ và hành khách của nó và trong phạm vi có thể cho chiếc tàu đó biết tên và cảng đăng kí của tàu mình , và cảng gần nhất mà tàu mình sẽ cập bến
- + tất cả các quốc gia ven biển tạo điều kiện dễ dàng cho việc thành lập và hoạt động của 1 cơ quan thường trực về tìm kiếm và cứu trợ thích hợp và hiệu quả , để đảm bảo an toàn hàng hải và hàng không và nếu có thể thì hợp tác với những nước láng giềng của mình trong khuôn khổ của những dàn xếp có tính chất khu vực để thực hiện mục đích nói trên
- + mọi quốc gia đều thi hành các biện pháp có hiệu quả để ngăn ngừa và trừng trị việc chuyên chở nô lệ trên các tàu được phép mang cờ của nước mình , và để ngăn ngừa việc lạm dụng sắc cờ của mình vào mục đích nói trên . mọi nô lệ ẩn náu ở trên 1 con tàu , dù con tàu này mang cờ của bất kỳ quốc gia nào cũng được tự do ngay tức khắc
- + tất cả các quốc gia hợp tác với nhau , bằng mọi khả năng của mình , để trấn áp cướp biển trên biển cả hay ở bất kì nơi nào khác không thuộc tài phán của quốc gia nào
- + nghiêm cấm buôn bán trái phép chất ma túy và các chất kích thích khác
- + không được phép phát sóng trái phép
- + mỗi tàu hoạt động trên biển đều phải được đăng kí , có tên gọi và số nhận dạng riêng

### **Câu 6. Đăng kí tàu biển là gì. Các hình thức đăng kí tàu biển theo bộ luật hàng hải VN 2015**

Theo quy định tại điều 91 phần 7 , công ước UNCLOS 1982 về quốc tịch tàu biển và quy tắc XI -1/3 công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển SOLAS 74 , mỗi tàu biển khi hoạt động trên biển phải được đăng kí, có tên gọi và số nhận dạng riêng hay còn gọi là số IMO

VN là thành viên công ước SOLAS 74 nên việc đăng kí tàu biển Vn được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của công ước

Theo điều 17 bộ luật hàng hải VN thì Đăng kí tàu biển là việc ghi , lưu trữ các thông tin về tàu biển vào sổ đăng kí tàu biển quốc gia VN và cấp giấy chứng nhận đăng kí tàu biển VN theo quy định của Bộ luật hàng hải VN 2015 và các quy định khác của pháp luật có liên quan

Đăng kí tàu biển Vn bao gồm các hình thức sau:

- Đăng kí tàu biển không thời hạn
- Đăng kí tàu biển có thời hạn
- Đăng kí tàu biển tạm thời
- Đăng kí thay đổi
- Đăng kí tàu biển đóng mới
- Đăng kí tàu biển loại nhỏ

### **Câu 7. Cơ quan đăng kí tàu biển Vn hiện nay được quy định như thế nào**

- Cơ quan đăng kí tàu biển quốc gia là cục hàng hải VN
- Cơ quan đăng kí tàu biển khu vực là chi cục hàng hải hoặc cảng vụ hàng hải do cục trưởng cục hàng hải VN quyết định. Theo đó cơ quan đăng kí tàu biển khu vực là chi cục hàng hải Vn tại tp Hải Phòng, tp Hồ Chí Minh và cảng vụ hàng hải Đà Nẵng

### **Câu 8. Điều kiện đăng kí tàu biển Vn theo Bộ luật hàng hải VN 2015**

Tàu biển đăng kí phải có đầy đủ các điều kiện sau:

- + giấy chứng nhận hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu biển
- + giấy chứng nhận dung tích, giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
- + tên gọi riêng của tàu biển
- + giấy chứng nhận tạm ngừng đăng kí hoặc xóa đăng kí nếu tàu đó đã được đăng kí ở nước ngoài, trừ TH đăng kí tạm thời
- + tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng lần đầu tiên đăng kí hoặc đăng kí lại tại VN phải có tuổi tàu phù hợp với từng tàu biển theo quy định của chính phủ
- + chủ tàu có trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại VN
- + đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật
- + tàu biển nước ngoài được cá nhân, tổ chức Vn thuê theo hình thức thuê tàu trần, thuê mua tàu khi đăng kí mang cờ quốc tịch VN, ngoài các quy định trên phải có hợp đồng thuê tàu trần hoặc hợp đồng thuê mua tàu

**Câu 9. Nguyên tắc đăng kí tàu biển theo bộ luật hàng hải VN 2015**

Việc đăng ký tàu biển Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

Tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, bao gồm đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam và đăng ký quyền sở hữu tàu biển đó. Trường hợp tàu biển thuộc sở hữu của từ hai tổ chức, cá nhân trở lên thì việc đăng ký phải ghi rõ các chủ sở hữu và tỷ lệ sở hữu tàu biển đó.

Tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Điều 20 của Bộ luật này được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam. Việc đăng ký tàu biển Việt Nam thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam và đăng ký quyền sở hữu tàu biển đó hoặc chỉ đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam.

Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê theo hình thức thuê tàu trần, thuê mua tàu có thể được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam;

Tàu biển đã đăng ký ở nước ngoài không được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp đăng ký cũ đã được tạm ngừng hoặc đã bị xóa;

Việc đăng ký tàu biển Việt Nam do Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam thực hiện công khai và thu lệ phí; tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu được cấp trích lục hoặc bản sao từ Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam và phải nộp lệ phí.

Tàu biển thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức VN có thể được đăng kí mang cờ quốc tịch nước ngoài

**Câu 10. quy định hiện hành về đăng kí tàu biển không thời hạn và đăng kí tàu biển có thời hạn**

Theo nghị định 161/2013/NĐ- CP

- Thủ tục đăng kí tàu biển không thời hạn

+ giấy chứng nhận đăng kí tàu biển Vn

- giấy chứng nhận đăng kí tàu biển VN được cấp cho tàu biển đăng kí không thời hạn và đã được đăng kí vào sổ đăng kí tàu biển quốc gia VN theo thủ tục quy định
- giấy chứng nhận đăng kí tàu biển VN được cấp 1 bản chính
- giấy chứng nhận đăng kí tàu biển VN có giá trị sử dụng từ ngày cấp đến ngày xóa đăng kí tàu biển đó

+ hồ sơ đăng kí tàu biển không thời hạn bao gồm:

- Tờ khai đăng kí tàu biển
- Giấy chứng nhận xóa đăng kí tàu biển đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc các biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới
- Hợp đồng mua bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lí tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định , gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước . trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế
- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp . trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh tại VN
- Trường hợp chủ tàu là cá nhân thì phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân . trường hợp chủ tàu là cá nhân nước ngoài thì phải nộp hộ chiếu

+Tổ chức, cá nhân phải nộp trực tiếp 1 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến 1 trong các cơ quan đăng kí tàu biển khu vực

+ cơ quan đăng kí tàu biển tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì cà sổ theo dõi , cấp giấy tờ biên nhận hồ sơ và hẹn trả đúng thời gian quy định

- Thủ tục đăng kí tàu biển có thời hạn

+ giấy chứng nhận đăng kí tàu biển có thời hạn

- Thời hạn đăng kí tàu biển được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng kí tàu biển tương ứng với thời hạn của hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần hoặc theo đề nghị của chủ tàu
- Giấy chứng nhận đăng kí tàu biển có thời hạn được cấp 1 bản chính

+hồ sơ đăng kí tàu biển có thời hạn trong trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân VN thuê, mua tàu hoặc thuê tàu trần, bao gồm

- Tờ khai đăng kí tàu biển
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận xóa đăng kí tàu biển

- Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần
- Biên bản bàn giao tàu
- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế
- Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã

+ hồ sơ đăng kí tàu biển có thời hạn trong trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài , bao gồm các giấy tờ theo quy định , giấy phép thành lập chi nhánh tại VN hoặc hộ chiếu

+ tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 1 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến 1 trong các cơ quan đăng kí tàu biển khu vực

+ cơ quan đăng kí tàu biển khu vực tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp , nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định

### **Câu 11. Quy định hiện hành về đăng kí lại tàu biển và thay đổi đăng kí lại tàu biển**

- Thủ tục đăng kí lại tàu biển :

+ giấy chứng nhận đăng kí tàu biển trong trường hợp tàu biển được đăng kí lại là giấy chứng nhận đăng kí tàu biển do cơ quan đăng kí tàu biển khu vực cấp cho chủ tàu căn cứ vào hình thức đăng kí lại tàu biển đó

+ hồ sơ đăng kí lại tàu biển bao gồm

- Trường hợp đăng kí lại tàu biển không thời hạn , hồ sơ đăng kí bao gồm ( giống hồ sơ đăng kí tàu biển không thời hạn)
- Trường hợp đăng kí lại tàu biển có thời hạn , hồ sơ đăng kí gồm( giống hồ sơ đăng kí lại tàu biển có thời hạn)
- Trường hợp đăng kí lại tàu biển đang đóng hồ sơ đăng kí gồm

Giấy chứng nhận tàu đã đặt sóng chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kí kèm

Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp .trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh tại Vn



Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã. Trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì phải nộp hộ chiếu

- Trường hợp đăng kí tàu biển loại nhỏ , hồ sơ đăng kí bao gồm

Tờ khai đăng kí tàu biển

Giấy chứng nhận xóa đăng kí tàu biển đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu biển đóng mới

Hợp đồng mua bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lí tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển

Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định , gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước . trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế

Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm chứng minh thư nhân dân hoặc chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của cơ quan công an cấp xã . trường hợp chủ tàu là cá nhân nước ngoài thì nộp hộ chiếu

+ tổ chức , cá nhân nộp trực tiếp 1 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến 1 trong các cơ quan đăng kí tàu biển khu vực

+ cơ quan đăng kí tàu biển trong khu vực tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

- Đăng kí thay đổi tàu biển

## **Câu 12. Quy định hiện hành về các trường hợp đăng kí tàu biển tạm thời**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại Tp.Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng;
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển không thời hạn;
- Trường hợp không giải quyết sẽ thông báo bằng văn bản.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại Tp.Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:****a) Thành phần Hồ sơ:**

\* Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí

- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu đóng mới;
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác;;
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản phôtô kèm theo bản gốc để đối chiếu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

\* Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí và chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển

- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác;
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản phôtô kèm theo bản gốc để đối chiếu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

\* Trường hợp thử tàu đóng mới

- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác;
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản phôtô kèm theo bản gốc để đối chiếu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.
- Trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký
- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu đóng mới;
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác;;
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản phôtô kèm theo bản gốc để đối chiếu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

4. **Thời hạn giải quyết:** Thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
5. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**
  - Cá nhân;
  - Tổ chức.
6. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**
  - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại Tp.Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng;
  - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;
  - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại Tp.Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng;
  - d) Cơ quan phối hợp: Không
7. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

### **Câu 13. nội dung cơ bản của sổ đăng kí tàu biển quốc gia**

1. Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam có nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên cũ, tên mới của tàu biển; tên, nơi đặt trụ sở của chủ tàu; tên, nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của chủ tàu nước ngoài; tên, nơi đặt trụ sở của người thuê tàu trần, người thuê mua tàu xin đăng ký; tên người khai thác tàu (nếu có); loại tàu biển và mục đích sử dụng;

b) Cảng đăng ký;

c) Số đăng ký;

d) Thời điểm đăng ký;

đ) Tên, địa chỉ nhà máy đóng tàu biển và năm đóng tàu biển;

e) Các thông số kỹ thuật chính của tàu biển;

g) Tình trạng sở hữu tàu biển và những thay đổi có liên quan đến sở hữu;

h) Thời điểm và lý do của việc xóa đăng ký;

i) Thông tin về đăng ký thế chấp tàu biển.

2. Mọi thay đổi về nội dung đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này phải được ghi rõ vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam.

### **Câu 14. Các loại tàu biển phải đăng kí và trách nhiệm của chủ tàu về đăng kí tàu biển theo bộ luật hàng hải VN 2015**

- Các loại tàu biển phải đăng kí:
  - + tàu biển có động cơ với tổng công suất máy chính từ 75KW trở lên
  - + tàu biển không có động cơ , nhưng có tổng dung tích từ 50 GT trở lên hoặc có trọng tải trên 100 tấn trở lên hoặc có chiều dài đường nước thiết kế từ 20m trở lên
  - + tàu biển nhỏ hơn các loại tàu biển trên nhưng hoạt động tuyến nước ngoài
- Trách nhiệm của chủ tàu về đăng kí tàu biển tại VN
  - + chủ tàu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các giấy tờ và khai báo đầy đủ , chính xác các nội dung liên quan đến tàu biển đăng kí quy định trong bộ luật hàng hải VN 2015 cho cơ quan đăng kí tàu biển VN
  - + trường hợp tàu biển do tổ chức , cá nhân VN đóng mới , mua, được tặng cho, thừa kế thì chủ tàu có trách nhiệm đăng kí tàu biển theo quy định
  - + chủ tàu có trách nhiệm nộp lệ phí đăng kí tàu biển theo quy định của pháp luật
  - + sau khi chủ tàu hoàn thành việc đăng kí tàu biển thì được cấp giấy chứng nhận đăng kí tàu biển VN , giấy chứng nhận này là bằng chứng về việc tàu biển mang cờ quốc tịch VN và tình trạng sở hữu tàu biển đó
  - + chủ tàu có trách nhiệm thông báo chính xác , đầy đủ, kịp thời cho cơ quan đăng kí tàu biển VN về mọi thay đổi của tàu biển liên quan đến nội dung đăng kí trong sổ đăng kí tàu biển quốc gia VN

### **Câu 15. Các trường hợp xóa đăng kí tàu biển theo quy định của bộ luật hàng hải VN**

- . Tàu biển Việt Nam phải xóa đăng kí trong Sổ đăng kí tàu biển quốc gia Việt Nam trong trường hợp sau đây:
  - + Bị phá huỷ, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không thể trục vớt được;
  - + Mất tích;
  - + Không còn đủ điều kiện để được mang cờ quốc tịch Việt Nam;
  - + Không còn tính năng tàu biển;
  - + Theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng kí tàu biển.

### **Câu 16. Trách nhiệm về đăng kiểm tàu biển. các mặt đăng kiểm của tàu biển để cấp giấy chứng nhận cho tàu biển.**

- trách nhiệm về đăng kiểm tàu biển

1. Chủ tàu biển có trách nhiệm thực hiện quy định về đăng kiểm tàu biển khi tàu biển được đóng mới, nhập khẩu, hoán cải, sửa chữa phục hồi và trong quá trình hoạt động; bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu biển giữa hai kỳ kiểm định, đánh giá theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức đăng kiểm khi thực hiện công tác đăng kiểm phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm và người trực tiếp thực hiện kiểm định, đánh giá phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, đánh giá.

- Các mặt kiểm định của đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận cho tàu biển:
  - + thẩm quyền thiết kế tàu biển
  - + kiểm tra/ chứng nhận vật liệu, trang thiết bị lắp đặt trên tàu
  - + kiểm tra, duy trì cấp tàu trong quá trình khai thác
  - + kiểm tra, giám sát trong quá trình đóng mới
  - + phân cấp tàu và xuất bản sổ đăng kí kỹ thuật tàu biển
  - + đánh giá, chứng nhận theo luật/ công ước quốc tế
  - + đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lí an toàn
  - + đánh giá, chứng nhận hệ thống an ninh tàu biển

### **Câu 17. Tính chất pháp lí về giấy chứng nhận do cục hàng hải cấp cho tàu biển.**

- Những giấy tờ do cục hàng hải cấp:

+ giấy chứng nhận đăng kí tàu biển : giấy này đồng thời là giấy chứng nhận quốc tịch tàu biển , cũng như xác định giá trị pháp lí của tàu đối với quốc gia mà tàu mang cờ. giấy này có giá trị kể từ khi nó được cấp và ghi trong sổ đăng kí tàu biển quốc gia cho đến khi nó bị xóa đăng kí

+ giấy phép đi biển: căn cứ vào các điều kiện đảm bảo an toàn khi đi biển như tiêu chuẩn kĩ thuật của tàu biển , biên chế thuyền viên , bằng cấp chuyên môn của thuyền viên , vệ sinh an toàn, bảo hộ lao động và các giấy chứng nhận cấp cho tàu về các lĩnh vực liên quan phải đầy đủ và đúng quy định của quốc gia mà tàu mang cờ cũng như

pháp luật quốc tế do các cơ quan có thẩm quyền cấp như cơ quan đăng kiểm tàu biển , y tế, kiểm dịch , thông tin liên lạc.. cấp cho tàu. Căn cứ vào tình trạng và các giấy tờ hợp lệ , cơ quan có thẩm quyền cho phép tàu hoạt động ở phạm vi nào , được chở những loại hàng gì... giấy này có giá trị phụ thuộc vào thời hạn của các giấy chứng nhận kĩ thuật khác do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu, khi hết hạn phải được kiểm tra và cấp giấy mới . giấy này chỉ sử dụng đối với tàu biển VN và các cảng VN

+ giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu: là mức mà con tàu khi hành hải đều phải đảm bảo mỗi bộ phận phải có số lượng và trình độ chuyên môn tối thiểu thích hợp nhằm đảm bảo an toàn cho tàu khi đưa vào sử dụng căn cứ vào cấp tàu, loại tàu, phạm vi hoạt động. đối với các loại tàu chuyên dùng như dầu khí hóa lỏng .. mức định biên có thể được điều chỉnh cho phù hợp.

### **Câu 18. Các giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu biển**

- Các giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu như: giấy chứng nhận khả năng đi biển, giấy chứng nhận cấp tàu , giấy chứng nhận mạn khô tối thiểu, giấy chứng nhận dung tích tàu, giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng, giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng, giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện tàu hàng

+ giấy chứng nhận khả năng đi biển: giấy này là bằng chứng chứng nhận về khả năng đi biển về mặt kĩ thuật của tàu, có thời hạn tùy thuộc vào tình trạng kĩ thuật của tàu , cơ quan đăng kiểm căn cứ vào tình trạng đó mà cấp giấy chứng nhận. hiệu lực của giấy chứng nhận này căn cứ vào các giấy chứng nhận khác do cơ quan đăng kiểm cấp, hiệu lực của giấy bằng với hiệu lực của giấy có hiệu lực ngắn nhất . hết hạn tàu phải kiểm tra đánh giá để cấp lại. trường hợp tàu bị nạn, hư hỏng nặng thì giấy này đương nhiên mất hiệu lực.

+ giấy chứng nhận mạn khô quốc tế: giấy này được cấp theo quy định của công ước Loadline 1966 nhằm xác định chiều chìm trọng tải của tàu để đảm bảo an toàn cho tàu. Theo quy định của công ước , tàu phải đảm bảo các yêu cầu kĩ thuật sao cho tàu phải luôn dự trữ lượng lực nổi đầy đủ ở mọi trạng thái khai thác của tàu. Giấy này không áp dụng cho tàu quân sự , tàu có dung tích dưới 150 GT và tàu cá. Giấy này có hiệu lực trong 5 năm và phải xác nhận tại các đợt kiểm tra hàng năm

+ giấy chứng nhận trang thiết bị tàu hàng : giấy này được cấp theo quy định của công ước Solas 1974 nhằm đảm bảo an toàn cho tàu hàng khi khai thác như trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, hàng hải, tránh va, cứu thủng và kèm theo giấy chứng nhận này phải có danh mục trang thiết bị của giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng. Giấy này có hiệu lực trong 5 năm và kiểm tra hàng năm

+ giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điệntàu hàng được cấp theo quy định của chương IV Solas 74 có hiệu lực 12 tháng. Thiết bị vô tuyến điện tàu hàng bao gồm cả thiết bị vô tuyến điện dùng cho phương tiện cứu sinh phù hợp với vùng hoạt động quy định của hệ thống GMDSS

### Câu 19. Các tài liệu , giấy tờ do tàu lập ra

Danh sách thuyền viên : trong quá trình khai thác tàu , căn cứ vào sổ đăng kí thuyền viên và sổ thuyền viên trên tàu mà thuyền trưởng lập danh sách thuyền viên . mẫu danh sách theo mẫu chung của IMO theo công ước Fal 1965, thông thường có nội dung như số thứ tự , họ và tên , ngày tháng năm sinh , chức danh trên tàu, quốc tịch, số hộ chiếu, nơi sinh, chức danh... giấy này có giá trị khi tàu làm thủ tục ra vào cảng. ngoài danh sách thuyền viên , khi làm thủ tục tàu ra vào cảng phải làm những tờ khai thác như tờ khai tàu đến, tờ khai tàu đi, tờ khai tàu sản thuyền viên, tờ khai tài sản tàu, tờ khai đồ dự trữ , tờ khai thực phẩm , tờ khai sức khỏe thuyền viên , tờ khai an ninh

### Câu 20. Quyền cầm giữ hàng hải theo Bộ luật hàng hải VN 2015

Quyền cầm giữ hàng hải là quyền của người có khiếu nại hàng hải quy định tại điều 41 của bộ luật này được ưu tiên trong việc đòi bồi thường đối với chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu mà tàu biển đó đã làm phát sinh khiếu nại hàng hải

2. Các khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải quy định tại Điều 41 của Bộ luật này có thứ tự ưu tiên cao hơn các khiếu nại hàng hải được bảo đảm bằng thế chấp tàu biển và các giao dịch bảo đảm khác.

3. Quyền cầm giữ hàng hải được thực hiện thông qua Tòa án có thẩm quyền bằng quyết định bắt giữ tàu biển mà tàu biển

đó liên quan đến khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.

4. Người có khiếu nại hàng hải có quyền cầm giữ hàng hải đối với tàu biển để bảo đảm cho các khiếu nại hàng hải quy định tại Điều 41 của Bộ luật này, mặc dù tàu biển đó đã được thế chấp hoặc chủ tàu đã thực hiện giao dịch bảo đảm khác để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác trên cơ sở hợp đồng.

5. Quyền cầm giữ hàng hải đối với tàu biển không bị ảnh hưởng khi có sự thay đổi chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu dù người mua tàu biết hay không biết về việc tàu biển đã liên

**Câu 21. Các khiếu nại phát sinh quyền cầm giữ hàng hải theo bộ luật hàng hải VN**

1. Khiếu nại hàng hải về tiền lương, chi phí hồi hương, chi phí đóng góp bảo hiểm xã hội và các khoản tiền khác phải trả cho thuyền trưởng, sĩ quan và các thuyền viên khác trong thuyền bộ của tàu biển.
2. Khiếu nại hàng hải về tiền bồi thường tính mạng, thương tích và tổn hại khác về sức khỏe con người liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển.
3. Khiếu nại hàng hải về phí trọng tải, phí bảo đảm hàng hải và về phí, lệ phí cảng biển khác.
4. Khiếu nại hàng hải về tiền công cứu hộ tàu biển.
5. Khiếu nại hàng hải về tổn thất và thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển.

**Câu 22. Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải theo bộ luật hàng hải VN 2015**

1. Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải là 01 năm kể từ thời điểm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.
2. Thời điểm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải quy định tại khoản 1 Điều này được tính như sau:
  - a) Từ ngày kết thúc hoạt động cứu hộ, trong trường hợp để giải quyết tiền công cứu hộ;
  - b) Từ ngày phát sinh tổn thất, trong trường hợp để giải quyết các tổn thất và thiệt hại gây ra do hoạt động của tàu biển;
  - c) Từ ngày phải thanh toán, trong trường hợp để giải quyết các khiếu nại hàng hải khác.
3. Quyền cầm giữ hàng hải chấm dứt kể từ khi chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu đã thanh toán những khoản nợ phát sinh từ các khiếu nại hàng hải liên quan; nếu tiền thanh toán vẫn do thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thay mặt chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu giữ để thanh toán các khoản nợ liên quan đến các khiếu nại hàng hải đó thì quyền cầm giữ hàng hải vẫn còn hiệu lực.
4. Trường hợp Tòa án không thể thực hiện việc bắt giữ tàu biển trong phạm vi nội thủy, lãnh hải Việt Nam để bảo vệ quyền lợi của người khiếu nại hàng hải thường trú hoặc có trụ sở chính tại Việt Nam thì thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này kết thúc sau 30 ngày kể từ ngày tàu đến cảng biển Việt Nam đầu tiên, nhưng không quá 02 năm kể từ ngày phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.



**Câu 23. Khái niệm chung về thuyền bộ tàu biển**

Theo điều 50 bộ luật hàng hải VN 2015 thì Thuyền bộ là những thuyền viên thuộc định biên của tàu biển, bao gồm thuyền trưởng, các sĩ quan và các chức danh khác được bố trí làm việc trên tàu biển.

**Câu 24. Thế nào là 1 thuyền bộ an toàn**

- Một thuyền bộ an toàn phải đảm bảo các yêu cầu sau:
  - + đảm bảo về chức danh, số lượng người theo yêu cầu về định biên an toàn tối thiểu
  - + đảm bảo đầy đủ điều kiện về sức khỏe, độ tuổi lao động
  - + đảm bảo đầy đủ khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn phù hợp về chức danh đảm nhiệm trên tàu, phù hợp với từng loại tàu theo quy định của PL
  - + thuyền bộ phải được bố trí làm việc chính thức trên tàu biển sao cho phù hợp với từng chức danh và quy định của PL về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
  - + trước khi được bố trí làm việc chính thức trên tàu biển, các thuyền viên phải được huấn luyện làm quen với các trang thiết bị máy móc., phương tiện kĩ thuật, quen với công việc trên tàu đó

**Câu 25. Địa vị pháp lí của thuyền trưởng**

1. Thuyền trưởng là người có quyền chỉ huy cao nhất ở trên tàu biển, chỉ huy tàu theo chế độ thủ trưởng. Mọi người có mặt trên tàu biển phải chấp hành mệnh lệnh của thuyền trưởng.

2. Thuyền trưởng chịu sự chỉ đạo của chủ tàu hoặc người thuê tàu, người khai thác tàu; trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường trong khi vận hành tàu, thuyền trưởng có thể tự mình quyết định nhưng sau đó phải báo cáo với chủ tàu hoặc người thuê tàu, người khai thác tàu

**Câu 26. Nghĩa vụ chủ yếu của thuyền trưởng theo Bộ luật hàng hải VN 2015**

Theo điều 53 bộ luật hàng hải VN 2015

1. Tổ chức quản lý, khai thác tàu biển theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm để tàu biển có đủ các điều kiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cần thiết, phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn, các quy định về trang thiết bị, vỏ tàu, dự trữ, chất lượng thuyền bộ và các vấn đề khác có liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi

trường cho tàu biển và người ở trên tàu biển trước và trong khi tàu biển đang hành trình.

3. Thường xuyên giám sát để hàng hóa được bốc lên tàu biển, sắp xếp và bảo quản trên tàu biển, dỡ khỏi tàu một cách hợp lý, mặc dù các công việc này đã được giao cho những người có trách nhiệm thực hiện.

4. Có biện pháp để hàng hóa trên tàu biển không bị hư hỏng, mất mát; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của những người có lợi ích liên quan đến hàng hóa; phải tận dụng mọi khả năng thông báo cho những người có lợi ích liên quan biết về những sự kiện đặc biệt liên quan đến hàng hóa.

5. Áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ tàu biển, người và các tài sản khác trên tàu biển; ngăn ngừa việc vận chuyển người, hàng hóa bất hợp pháp trên tàu biển.

6. Đưa tàu biển đến cảng an toàn gần nhất và thực hiện mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ tàu, người, tài sản trên tàu và tài liệu của tàu trong trường hợp cảng trả hàng hoặc cảng trả khách bị phong tỏa, chiến tranh đe dọa hoặc trong tình trạng khẩn cấp khác.

7. Tận dụng mọi khả năng cho phép để trước hết tổ chức cứu hành khách và sau đó cứu thuyền viên trong trường hợp tàu biển có nguy cơ bị chìm đắm hoặc bị phá hủy.

Thuyền trưởng phải là người cuối cùng rời tàu biển sau khi đã tìm mọi cách cứu nhật ký hàng hải, hải đồ và tài liệu quan trọng khác của tàu biển.

8. Không được rời tàu biển khi tàu biển đang gặp nguy hiểm, trừ trường hợp việc rời tàu là hết sức cần thiết.

9. Trực tiếp điều khiển tàu biển đến, rời cảng, kênh đào, luồng hàng hải và khi tàu hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc khi xảy ra tình huống đặc biệt khó khăn, nguy hiểm.

10. Sử dụng hoa tiêu hàng hải, tàu lai trong trường hợp do pháp luật quy định hoặc để bảo đảm an toàn cho tàu biển.

Việc sử dụng hoa tiêu hàng hải không loại trừ nghĩa vụ của thuyền trưởng quy định tại khoản 9 Điều này.

11. Thực hiện miễn cán các nhiệm vụ thuộc chức trách của mình theo đúng lương tâm nghề nghiệp.

12. Tổ chức tìm kiếm và cứu nạn những người đang trong tình trạng nguy hiểm trên biển, nếu việc thực hiện nghĩa vụ này không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho tàu biển và những người đang ở trên tàu của mình. Chủ tàu không chịu trách nhiệm về việc thuyền trưởng vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này.

13. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

**Câu 27. Trách nhiệm của thuyền trưởng về hộ tịch tàu biển**

Điều 55 bộ luật hàng hải VN quy định trách nhiệm của thuyền trưởng về hộ tịch tàu biển

1. Ghi nhật ký hàng hải và lập biên bản với sự tham gia của nhân viên y tế của tàu biển, hai người làm chứng về các trường hợp sinh, tử xảy ra trên tàu biển và các sự kiện có liên quan; bảo quản thi thể, lập bản kê và bảo quản tài sản của người chết để lại trên tàu biển.

2. Thông báo về các trường hợp sinh, tử xảy ra trên tàu biển và chuyển di chúc, bản kê tài sản của người chết cho cơ quan hộ tịch có thẩm quyền ở cảng Việt Nam đầu tiên mà tàu biển ghé vào hoặc cho cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất, nếu tàu biển đến cảng biển nước ngoài.

3. Sau khi đã cố gắng tìm mọi cách để xin chỉ thị của chủ tàu và hỏi ý kiến của thân nhân người chết, thuyền trưởng nhân danh chủ tàu làm thủ tục và tổ chức mai táng. Mọi chi phí liên quan đến việc mai táng được thanh toán theo quy định của pháp luật.

**Câu 28. Trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc bắt giữ người trên tàu biển**

Điều 56. Trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc bắt, giữ người trên tàu biển

1. Khi phát hiện hành vi phạm tội quả tang, người đang bị truy nã hoặc giữ người trong trường hợp khẩn cấp trên tàu biển khi tàu đã rời cảng, thuyền trưởng có trách nhiệm sau đây:

a) Bắt hoặc ra lệnh bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã; giữ người trong trường hợp khẩn cấp;

b) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết, lập hồ sơ theo quy định của pháp luật;

c) Bảo vệ chứng cứ và tùy theo điều kiện cụ thể, chuyển giao người bị bắt, giữ và hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cảng Việt Nam đầu tiên tàu biển ghé vào hoặc cho tàu công vụ Việt Nam gặp ở trên biển hoặc thông báo cho cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất và làm theo chỉ thị của cơ quan này, nếu tàu biển đến cảng nước ngoài.

2. Trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn, trật tự cho tàu biển, người và hàng hóa vận chuyển trên tàu, thuyền trưởng có quyền tạm giữ người đang chuẩn bị phạm tội, người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã trên tàu biển tại một phòng riêng.

**Câu 29. Quyền hạn chủ yếu của thuyền trưởng theo bộ luật hàng hải VN**

1. Đại diện cho chủ tàu và những người có lợi ích liên quan đến hàng hóa khi giải quyết những công việc trong điều khiển, quản trị tàu và hàng hóa được vận chuyển trên tàu biển.

2. Nhân danh chủ tàu và người có lợi ích liên quan đến hàng hóa thực hiện các hành vi pháp lý trong phạm vi công việc quy định tại khoản 1 Điều này, có thể khởi kiện hoặc tham gia tố tụng trước Tòa án hoặc Trọng tài khi tàu biển ở ngoài cảng đăng ký, trừ trường hợp chủ tàu hoặc người có lợi ích liên quan đến hàng hóa tuyên bố hạn chế một phần hoặc toàn bộ quyền đại diện đó

3. Không cho tàu biển hành trình, nếu xét thấy chưa đủ điều kiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Áp dụng các hình thức khen thưởng hoặc biện pháp kỷ luật đối với thuyền viên thuộc quyền; có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc phải rời khỏi tàu biển những thuyền viên không đủ trình độ chuyên môn theo chức danh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

5. Nhân danh chủ tàu vay tín dụng hoặc vay tiền mặt trong trường hợp cần thiết nhưng chỉ trong giới hạn đủ để sửa chữa tàu biển, bổ sung thuyền viên, cung ứng cho tàu hoặc vì nhu cầu khác để có thể tiếp tục chuyến đi.

6. Bán một phần tài sản hoặc phần dự trữ dư thừa của tàu biển trong phạm vi quy định tại khoản 5 Điều này, nếu việc chờ nhận tiền hoặc chỉ thị của chủ tàu không có lợi hoặc không thực hiện được.

7. Trong thời gian thực hiện chuyến đi, nếu không còn cách nào khác để có đủ các điều kiện cần thiết cho việc kết thúc chuyến đi thì có quyền cầm cố hoặc bán một phần hàng hóa sau khi đã tìm mọi cách xin chỉ thị của người thuê vận chuyển và chủ tàu mà không được. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải giảm tới mức thấp nhất sự thiệt hại của chủ tàu, người thuê vận chuyển và những người có lợi ích liên quan đến hàng hóa.

8. Trong khi đang hành trình mà trên tàu biển không còn lương thực, thực phẩm dự trữ thì có quyền sử dụng một phần hàng hóa là lương thực, thực phẩm vận chuyển trên tàu; nếu thật cần thiết thì có quyền sử dụng lương thực, thực phẩm của những người đang ở trên tàu. Việc sử dụng này phải được lập biên bản. Chủ tàu phải thanh toán số lương thực, thực phẩm đã sử dụng.

9. Trường hợp tàu biển đang trong tình trạng nguy hiểm trên biển thì có quyền yêu cầu cứu nạn và sau khi thỏa thuận với các tàu đến cứu nạn, có quyền chỉ định tàu thực hiện việc cứu hộ.

**Câu 30. Phân loại chức danh sỹ quan tàu biển**

- Bộ phận boong

+ đối với thuyền trưởng và đại phó được chia thành 4 loại bao gồm

Thuyền trưởng và đại phó các tàu trên 3000 GT

Thuyền trưởng và đại phó các tàu từ 500 đến 3000 GT

Thuyền trưởng và đại phó các tàu từ 50 đến 500 GT hành trình gần bờ

Thuyền trưởng và đại phó tàu dưới 50 GT hành trình ven biển VN

+ đối với sỹ quan boong được chia làm 2 loại gồm:

Sỹ quan vận hành của các tàu từ 5000 GT trở lên

Sỹ quan vận hành từ 50 đến dưới 500 GT và hành trình gần bờ

- Bộ phận máy

+ đối với máy trưởng và máy hai được phân hạng theo tổng công suất máy chính gồm 4 loại:

Máy trưởng , máy hai tàu có công suất máy chính trên 3000KW

Máy trưởng, máy hai tàu có công suất máy chính từ 750 đến 3000KW

Máy trưởng, máy hai tàu có công suất máy chính từ 75KW đến dưới 750 KW

Máy trưởng, máy hai tàu có công suất máy chính dưới 75 KW

+ đối với sỹ quan máy được chia làm 2 loại:

Sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên

Sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75KW đến dưới 750 KW

**Câu 32. Các chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên theo quy định của VN**

Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn : do cục hàng hải cấp phù hợp với quy định của công ước STCW 78/95 . thời hạn sử dụng 5 năm

Giấy huấn luyện cơ bản: cấp cho thuyền viên hoàn thành chương trình cơ bản về kĩ thuật cứu sinh , cứu hỏa, sơ cứu. thời hạn 5 năm

Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ: cấp cho thuyền viên hoàn thành những huấn luyện nghiệp vụ, phù hợp với quy định của công ước STCW 78/95

Quan sát đồ giả Rada

Thiết bị đồ giả Rada/ Arpa

Hệ thống an toàn và cấp cứu hàng hải toàn cầu : hạng tổng quát , hạng hạn chế

Chữa cháy nâng cao

Chăm sóc y tế

Bè cứu sinh, xuồng cứu nạn

Chăm sóc y tế

Xuồng cứu nạn cao tốc

Giấy chứng nhận huấn luyện đặc biệt

Làm quen tàu hóa chất, tàu dầu , tàu chở khí hóa lỏng, tàu khách, tàu RO-RO

Quản lí đám đông, quản lí khủng hoảng

### **Câu 33. Điều kiện đối với thuyền viên để được làm việc trên tàu biển**

Thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài được phép làm việc trên tàu biển Việt Nam;
- b) Có đủ tiêu chuẩn sức khỏe, tuổi lao động và chứng chỉ chuyên môn theo quy định;
- c) Được bố trí đảm nhận chức danh trên tàu biển;
- d) Có sổ thuyền viên;
- đ) Có hộ chiếu để xuất cảnh hoặc nhập cảnh, nếu thuyền viên đó được bố trí làm việc trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế.

### **Câu 34. Nghĩa vụ của thuyền viên theo Bộ luật hàng hải VN 2015**

#### **Điều 60. Nghĩa vụ của thuyền viên**

1. Thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam có nghĩa vụ sau đây:

- a) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật của quốc gia nơi tàu biển Việt Nam hoạt động;

b) Thực hiện khẩn cấp nhiệm vụ của mình theo chức danh được giao và chịu trách nhiệm trước thuyền trưởng về những nhiệm vụ đó

c) Thực hiện kịp thời, nghiêm chỉnh, chính xác mệnh lệnh của thuyền trưởng;

d) Phòng ngừa tai nạn, sự cố đối với tàu biển, hàng hóa, người và hành lý trên tàu biển. Khi phát hiện tình huống nguy hiểm, phải báo ngay cho thuyền trưởng hoặc sĩ quan trực ca biết, đồng thời thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa tai nạn, sự cố phát sinh từ tình huống nguy hiểm đó;

đ) Quản lý, sử dụng giấy chứng nhận, tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ và tài sản khác của tàu biển được giao phụ trách.

2. Thuyền viên Việt Nam làm việc trên tàu biển nước ngoài có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động đã ký với chủ tàu hoặc người sử dụng lao động nước ngoài.

### **Câu 35. Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên theo bộ luật hàng hải Vn 2015**

#### **Điều 61. Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên**

1. Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp chủ tàu hoặc thuyền trưởng yêu cầu thuyền viên rời tàu biển thì chủ tàu có trách nhiệm chu cấp mọi chi phí sinh hoạt và đi đường cần thiết để thuyền viên hồi hương; trong trường hợp thuyền trưởng yêu cầu thuyền viên rời tàu biển thì thuyền trưởng phải báo cáo chủ tàu.

3. Trường hợp tài sản riêng hợp pháp của thuyền viên bị tổn thất do tàu biển bị tai nạn thì chủ tàu phải bồi thường tài sản đó theo giá thị trường tại thời điểm và địa điểm giải quyết tai nạn. Thuyền viên có lỗi trực tiếp gây ra tai nạn làm tổn thất tài sản của mình thì không có quyền đòi bồi thường tài sản đó.

4. Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên Việt Nam làm việc trên tàu biển nước ngoài và của thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam được thực hiện theo hợp đồng lao động.

### **Câu 37. Trách nhiệm của chủ tàu trong việc chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên quy định tại bộ luật hàng hải VN**

#### **Điều 68. Chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên**

1. Thuyền viên được chăm sóc sức khỏe thường xuyên, kịp thời và miễn phí trong thời gian làm việc trên tàu biển và tại cảng khi tàu ghé vào.

2. Chủ tàu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển theo quy định sau đây:

a) Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe thuyền viên trên tàu như người lao động làm việc trên bờ về thuốc, trang thiết bị y tế, tài liệu hướng dẫn y tế, thông tin y tế và tham vấn chuyên môn về y tế;

b) Bảo đảm cho thuyền viên được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở nha khoa tại cảng mà tàu ghé vào;

c) Có các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động hàng hải, bệnh tật thông qua tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho thuyền viên.

3. Chủ tàu có trách nhiệm thực hiện quy định về bố trí bác sĩ trên tàu như sau:

a) Đối với tàu biển có từ một trăm người trở lên và thực hiện chuyến đi quốc tế dài hơn 03 ngày phải bố trí ít nhất một bác sĩ;

b) Đối với tàu biển có dưới một trăm người và không có bác sĩ trên tàu, phải bố trí ít nhất 01 thuyền viên chịu trách nhiệm chăm sóc y tế và quản lý thuốc hoặc một thuyền viên có khả năng sơ cứu y tế.

Thuyền viên chịu trách nhiệm chăm sóc y tế, sơ cứu y tế phải là người đã hoàn thành khóa đào tạo về chăm sóc y tế, sơ cứu y tế theo quy định của Công ước quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên.

4. Thuyền trưởng hoặc người có nhiệm vụ chăm sóc y tế trên tàu có trách nhiệm lập biểu mẫu báo cáo y tế theo quy định. Biểu mẫu báo cáo y tế dùng để trao đổi thông tin với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên bờ. Thông tin trong biểu mẫu báo cáo y tế phải được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho việc chuẩn đoán, chăm sóc, điều trị cho thuyền viên.

5. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Công bố các cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên;

b) Quy định về tủ thuốc, trang thiết bị y tế, tài liệu hướng dẫn y tế trên tàu biển, biểu mẫu báo cáo y tế.



**Câu 38. Trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp****Điều 69. Trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động hàng hải, bệnh nghề nghiệp**

1. Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả, bao gồm: điều trị y tế, phẫu thuật, nằm viện, các loại thuốc, trang thiết bị điều trị cần thiết, chi phí ăn, ở của thuyền viên từ khi sơ cứu cho đến khi thuyền viên bình phục hoặc đến khi xác định là bệnh mãn tính.

2. Trả đủ tiền lương ghi trong hợp đồng lao động thuyền viên trong thời gian điều trị.

3. Thanh toán chi phí mai táng trong trường hợp thuyền viên bị tử vong trên tàu hoặc trên bờ trong thời gian đi tàu.

4. Vận chuyển thi thể hoặc tro cốt của thuyền viên bị tử vong về địa điểm hồi hương.

5. Chủ tàu không phải thanh toán chi phí cho thuyền viên trong trường hợp sau đây:

- a) Bị thương, bị bệnh xảy ra ngoài thời gian đi tàu;
- b) Bị thương, bị bệnh do hành vi cố ý của thuyền viên.

6. Bảo vệ và trả lại tài sản của thuyền viên để lại trên tàu cho thuyền viên hoặc thân nhân của họ trong trường hợp thuyền viên rời tàu khi bị bệnh, bị thương hoặc tử vong

# ABOUT

*Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.*

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

## **Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về**

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

## **Liên hệ và kết nối với chúng tôi:**

- ✓ Facebook: [facebook.com/HoTroOnTap](https://facebook.com/HoTroOnTap)
- ✓ Fanpage: [facebook.com/HoTroOnTapPage](https://facebook.com/HoTroOnTapPage)
- ✓ Group: [facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup](https://facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup)
- ✓ Website: [hotroontap.com](https://hotroontap.com)